

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MỸ LOAN PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MỸ LOAN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702955856

**3. Ngày thành lập:** 01/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 88, Tờ bản đồ số 50, Khu phố 3, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0986236497

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán mùn cưa, dăm bào, củi, củi ép, gỗ vụn, bột gỗ, viên nén gỗ, viên nén mùn cưa (không chứa mùn cưa, dăm bào, củi, củi ép, gỗ vụn, bột gỗ, viên nén gỗ, viên nén mùn cưa tại trụ sở chính; không chứa mủ cao su tại trụ sở chính)                                                                                               | 4661(Chính) |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không chứa, phân loại, xử lý tại trụ sở chính); Bán buôn hạt nhựa, vật liệu nhựa; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn mút xốp; Bán buôn bao bì giấy, bao bì nhựa, thùng carton; Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất sử dụng trong công nghiệp); Bán buôn nguyên phụ liệu ngành gỗ. | 4669        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác; Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)                                   | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; thiết bị ngành xây dựng; Bán buôn trang thiết bị phòng cháy chữa cháy; Bán buôn máy ép viên nén, máy xay dăm bào, máy chế biến gỗ                                                                                                                      | 4659 |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, nhôm, inox (trừ vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662 |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Ép viên nén gỗ, mùn cưa, xay dăm bào, xay củi (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1629 |
| 8.  | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224 |
| 9.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Hàn, tiện, phay, bào, cắt, ghép, nối kim loại (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính; trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2592 |
| 10. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4530 |
| 11. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710 |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn đèn và bộ đèn điện; Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc, giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách); nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm) | 4649 |
| 13. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ, sắt, nhôm, inox (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3100 |
| 14. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>(không cưa, xẻ, bào và bảo quản tại trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1610 |
| 15. | Xây dựng nhà ở<br>Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4101 |
| 16. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà nghỉ, nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp                                                                                                                                                                                                                               | 4102 |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: nhà hàng, quán ăn; quán ăn nhanh; quán ăn tự phục vụ; Cửa hàng bán đồ ăn mang về; xe bán đồ ăn lưu động (trừ quán bar, vũ trường)                                                                                                    | 5610 |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt hệ thống công trình điện, nước dân dụng và công nghiệp                                                                                                                                                                   | 4299 |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng( kể cả máy vi tính); Cho thuê máy ép viên nén, máy xay dăm bào, máy chế biến gỗ | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN QUỐC MỸ

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 16/04/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183537314

Ngày cấp: 28/12/2017

Nơi cấp: Công an Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, Xã Cẩm Lĩnh, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thửa đất số 88, Tờ bản đồ số 50, Khu phố 3, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương